

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 64/2021/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Giá năm 2012; Luật Thủy lợi năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; thực hiện Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021;

Xét Tờ trình số 8347/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 80/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Văn bản số 8888/UBND-NLN1 ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh như sau:

1. Biểu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng):

ĐVT: Đồng/ha/vụ

STT	Vùng và biện pháp công trình	Đơn giá dịch vụ
1	Khu vực miền núi	
-	Tưới tiêu bằng động lực	1.811.000

STT	Vùng và biện pháp công trình	Đơn giá dịch vụ
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.267.000
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539.000
2	Khu vực đồng bằng	
-	Tưới tiêu bằng động lực	1.646.000
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.152.000
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.399.000

- Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì đơn giá bằng 60% giá tại biểu trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì đơn giá bằng 40% giá tại Biểu trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì giá bằng 50% đơn giá tại Biểu trên.

- Trường hợp lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu thì giá bằng 70% đơn giá tưới, tiêu bằng trọng lực quy định tại Biểu trên.

- Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn giá được tính tăng thêm 20% so với đơn giá tại Biểu trên.

- Trường hợp phải tách riêng giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì đơn giá cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu được tính bằng 30% đơn giá quy định tại Biểu trên.

2. Đơn giá đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông được tính bằng 40% đơn giá đối với đất trồng lúa.

3. Tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị đơn giá bằng 5% đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 12 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Ký